TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2022/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 01 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH Q

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Bùi Thị V, sinh năm 1976

Trú tại: Tổ 7, khu 4, phường Y, thành phố H, tỉnh Q;

- Anh Phạm Hồng H, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ 7, khu 4, phường Y, thành phố H, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị V và anh Phạm Hồng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố H, tỉnh Q vào ngày 25/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị V và anh H không ai còn quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận người ấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được với nhau nên chị V và anh H đều thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị V và anh Phạm Hồng H xác nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung là Phạm Sơn D,

sinh ngày 20/11/2003 và Phạm Vũ Th, sinh ngày 11/5/2007. Cháu Phạm Sơn D đã thành niên, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị V và anh H thỏa thuận thống nhất giao con chung Phạm Vũ Th, sinh ngày 11/5/2007 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Hồng H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Chị Bùi Thị V và anh Phạm Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4] Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị V và anh Phạm Hồng H thỏa thuận thống nhất: Chị V chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Phạm Hồng H.
- Về con chung: Giao con chung là chung Phạm Vũ Th, sinh ngày 11/5/2007 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Hồng H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.
- Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Bùi Thị V và anh Phạm Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị V tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự mà chị V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000670 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Chị V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- TAND tỉnh Q;
- UBND phường Y;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng